

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 4 – 2024

V/v tranh chấp về hôn nhân và  
gia đình ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Thùy Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Phạm Văn Liệt.
- Ông Trần Quang Vinh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Thanh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024, về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*Chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Đức T1 vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- **Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày:**

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Đức T1 tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1991, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống với có hạnh phúc, nhưng hiện nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm mà không giải quyết được, dẫn đến tình cảm không còn, nên chị Lê Thị Thanh T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Thanh T với anh Nguyễn

Đức T1.

Về con chung: Trong thời gian chung sống thì chị T và anh T1 có con chung tên Nguyễn Phước L, sinh ngày 10/4/1992, Nguyễn Hữu L1, sinh ngày 26/5/1998; hiện nay cháu L, cháu L1 đã thành niên đủ 18 tuổi, đã có cuộc sống tự lập nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Đức T1 trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T1 thống nhất với trình bày của chị Lê Thị Thanh T về quá trình chung sống với nhau mà không có đăng ký kết hôn như trên. Hiện nay anh chị sống chung có mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm mà không giải quyết được nên anh T1 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chị T, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T với anh T1.

Về con chung: Anh T1 thống nhất chị T và anh T1 có con chung tên Nguyễn Phước L, sinh ngày 10/4/1992, Nguyễn Hữu L1, sinh ngày 26/5/1998; hiện nay cháu L, cháu L1 đã thành niên đủ 18 tuổi, đã có cuộc sống tự lập nên anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Giấy CCCD của chị Lê Thị Thanh T (Bản photo, đã đối chiếu bản chính);
- Giấy CCCD của anh Nguyễn Đức T1 (Bản photo);
- Giấy khai sinh con chung Nguyễn Phước Lộc, Nguyễn Hữu L1 (Bản sao);
- Bản tự khai ngày 15/3/2024 của chị Lê Thị Thanh T (Bản chính);
- Bản tự khai ngày 29/3/2024 của anh Nguyễn Đức T1 (Bản chính).
- Đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 29/3/2024 của chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Đức T1 (Bản chính).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Đức T1 cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T và bị đơn anh Nguyễn Đức T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T với anh Nguyễn Đức T1; anh T1 thống nhất với yêu cầu của chị T.

Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*. Do đó, chị T và anh T1 chung sống với nhau từ năm 1991 mà đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Chị T và anh T1 xác định khi chung sống với nhau thì anh chị có mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm mà không giải quyết được, nên anh chị không còn tình cảm với nhau.

Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*.

Do chị T và anh T1 không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T1 là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 xác định anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Phước L, sinh ngày 10/4/1992, Nguyễn Hữu L1, sinh ngày 26/5/1998. Chị T và anh T1 đều không có yêu cầu giải quyết về con chung do cháu L, cháu L1 đã thành niên đủ 18 tuổi, đã có cuộc sống tự lập, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Đức T1 không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Nguyễn Đức T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Đức T1.

2. Về con chung: Con chung tên Nguyễn Phước L, sinh ngày 10/4/1992, Nguyễn Hữu L1, sinh ngày 26/5/1998 đều đã thành niên đủ 18 tuổi, đã có cuộc sống tự lập, chị T và anh T1 đều không có yêu cầu; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Đức T1 không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006427 ngày 15/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Đức T1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Thùy Trang**